VIETNAM 1:50,000

EDITION 2-AMS(29 ETB)
XUẤT-BẢN LẦN THỨ 2-AMS(29 ETB)

BẾN CÁT

SHEET 6331III
SERIES L7014

Scale Tỷ-lệ 1:50,000

LEGEND—CHÚ-TỪ
MAP INFORMATION AS OF 1968
BẢN-ĐỒ TÌNH-TRẠNG NĂM 1968

WHEN REFERRING TO POPULATED PLACE NAMES, INCLUDE UTM GRID COORDINATES
THE NUMBER IN PARENTHESES FOLLOWING A POPULATED PLACE NAME INDICATES
MORE THAN ONE PLACE IS SO NAMED WITHIN THE MAP SHEET AREA

CONTOUR INTERVAL—10 METERS
SUPPLEMENTARY CONTOURS—5 METERS

KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO-ĐỘ: 10 MÉT
CÁC VÒNG CAO-ĐỘ PHỤ: 5 MÉT

SPHEROID ..... EVEREST
GRID ..... 1,000 METER UTM ZONE 48 (BLACK NUMBERED LINES)
PROJECTION ..... TRANSVERSE MERCATOR
VERTICAL DATUM ..... MEAN SEA LEVEL AT HÀ TIÊN
HORIZONTAL DATUM ..... INDIAN DATUM 1960

CREDITS
PREPARED BY ..... 25TH ENGR BN, US ARMY, 1968
COMPILATION METHOD ..... PHOTO REVISION OF L7014 MAPS
RANGES DATA BY ..... USAMTDCV, NHA TRANG, VIETNAM
CONTROL BY ..... USAMTDCV, NHA TRANG, VIETNAM
PRINTED BY ..... 25TH ENGR BN, 1971-1-06

NEVER CORRECTIONS TO THIS MAP TO COMMANDING OFFICER, ARMY MAP SERVICE, WASHINGTON, D.C. 20315
KHI SỬA CHỮA SAI SÓT TRONG BẢN-ĐỒ XIN GỬI VỀ CƠ-QUAN ĐỊA-DƯ QUỐC-GIA ĐÀ-LẠT, VIỆT-NAM

DELINEATION OF INTERNAL ADMINISTRATIVE BOUNDARIES IS APPROXIMATE

GLOSSARY—CỔ-TỰ

An. Áp	village
Bàu	pond, swamp
Cầu	bridge
Đồn Điền	plantation
Gare	station
Rạch	stream
R. Rạch	stream
S. Sông, Suối	stream
X. Xóm	village

DISTRIBUTION LIMITED—DESTROY
WHEN NO LONGER NEEDED

ELEVATION GUIDE
CHỈ-DẪN CAO-ĐỘ

BOUNDARIES
RANH-GIỚI

ADJOINING SHEETS
BẢN ĐỒ KỀ BÊN

BẾN CÁT, VIETNAM STOCK NO. L7014 6331 III